

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2025/DS-PT
Ngày 11-6-2025
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Bà Trần Thị Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 13/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hu Xiong C, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Tổ A, Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc; địa chỉ tạm trú: Số C, tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Hoàng N, sinh năm 1990; địa chỉ: Căn C, chung cư G, đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 6 năm 2024, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Hồng N1, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ hiện nay: Số A, đường Đ, tổ B, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Trọng Ê, sinh năm 1972; địa chỉ: Số B Bờ Bao H, ấp E, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 8 năm 2024, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho ông Ê: bà Trần Thị Như M, sinh năm 1994; địa chỉ: 2 P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 6 năm 2025, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Âu Thị Thu O, sinh năm 1982; địa chỉ: Số C, đường H, tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.2. Ông Lê Duy T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số I, (căn A) tầng 8, Block A, Chung cư H, đường số A, Khu dân cư H, tổ A, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hu Xiong C do bà Lê Hoàng N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có quan hệ quen biết, trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2024, ông Hu Xiong C đã nhiều lần cho bà Ngô Thị Hồng N1 vay tiền, hình thức chuyển khoản và tiền mặt. Số tiền vay 3.503.837.000 đồng.

Khi ông Hu Xiong C cho bà Ngô Thị Hồng N1 vay, các bên không thỏa thuận thời hạn vay tiền và lãi suất. Do tin tưởng, đồng thời đa số các lần cho vay đều bằng hình thức chuyển khoản nên các bên không lập giấy vay tiền. Ông Hu Xiong C dùng số tài khoản 6513251006 - Tài khoản Ngân hàng B, chủ tài khoản ông Hu Xiong C (số tài khoản cũ: 65110003251006) chuyển tiền qua số tài khoản 6512961986 – Tài khoản Ngân hàng B, chủ tài khoản bà Ngô Thị Hồng N1 (số tài khoản cũ: 65110002961986).

Các lần vay tiền cụ thể:

- Ngày 07 tháng 01 năm 2022, ông Hu Xiong C chuyển khoản cho bà N1 100.000.000 đồng.

- Ngày 10 tháng 01 năm 2022, ông Hu Xiong C chuyển khoản cho bà N1 100.000.000 đồng.

- Ngày 18 tháng 01 năm 2022, ông Hu Xiong C chuyển khoản cho bà N1 100.000.000 đồng.

- Ngày 19 tháng 01 năm 2022, ông Hu Xiong C chuyển khoản cho bà N1 100.000.000 đồng.

- Ngày 20 tháng 01 năm 2022, ông Hu Xiong C chuyển khoản cho bà N1 36.950.000 đồng.

- Ngày 22 tháng 01 năm 2022, ông Hu Xiong C chuyển khoản cho bà N1 66.887.000 đồng.

- Ngày 30 tháng 01 năm 2024, ông Hu Xiong C chuyển khoản cho bà N1 100.000.000 đồng.

- Ngày 01 tháng 02 năm 2024, ông Hu Xiong C chuyển khoản cho bà N1 100.000.000 đồng.

- Ngày 06 tháng 3 năm 2024, bà N1 cần đặt cọc để nhận chuyển nhượng đất, mua nhà thuộc thửa đất số 2016, tờ bản đồ 92 của ông Lê Duy T; đất tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tại số A, đường Đ, tổ B, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà N1 có vay tiền ông Hu Xiong C và nhờ ông Hu Xiong C chuyển tiền đặt cọc cho ông Lê Duy T. Ông Hu Xiong C đã nhờ bạn là bà Âu Thị Thu O chuyển tiền vào tài khoản của ông Lê Duy T với số tiền 50.000.000 đồng. Số tài khoản của bà Âu Thị Thu O là 5060598-0001-Ngân hàng I, số tài khoản của ông Lê Duy T là 19032158460017-Ngân hàng T1.

- Ngày 19 tháng 3 năm 2024, ông Hu Xiong C nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của bà N1 số tiền 2.200.000.000 đồng.

- Cùng ngày 19 tháng 3 năm 2024, ông Hu Xiong C đưa bà N1 số tiền mặt 200.000.000 đồng.

- Cùng ngày 19 tháng 3 năm 2024, ông Hu Xiong C nhờ bà O chuyển khoản cho bà N1 số tiền 350.000.000 đồng để bà N1 trả tiền nhận chuyển nhượng đất.

Sau khi bà N1 đặt cọc để nhận chuyển nhượng đất, bà N1 có đưa bản chính giấy đặt cọc đất cho ông H Xiong Cai giữ để làm tin. Bà N1 có hứa sẽ trả lại tiền vay cho ông H Xiong Cai trong vòng 1 tháng, tuy nhiên bà N1 chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Ngày 01 tháng 6 năm 2024, bà N1 có lập giấy cam kết là khi nào bán được căn nhà tại vị trí thửa đất số 2016, tờ bản đồ 92 sẽ trả ông Hu Xiong C số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau đó, ông Hu Xiong C nhiều lần yêu cầu bà Ngô Thị Hồng N1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà N1 không thực hiện. Ông Hu Xiong C đã gửi thông báo yêu cầu bà N1 trả nợ ngày 16 tháng 6 năm 2024 nhưng bà N1 không trả. Do đó, ông Hu Xiong C khởi kiện yêu cầu:

- Bà N1 trả tiền vay gốc 3.303.837.000 đồng đối với các khoản vay ngày 07 tháng 01 năm 2022, 10 tháng 01 năm 2022, 18 tháng 01 năm 2022, 19 tháng 01

năm 2022, 20 tháng 01 năm 2022, 22 tháng 01 năm 2022, 30 tháng 01 năm 2024, 01 tháng 02 năm 2024, 06 tháng 3 năm 2024, 19 tháng 3 năm 2024 (gồm 2.200.000.000 đồng và 350.000.000 đồng).

- Tiền lãi đối với số tiền 2.800.000.000 đồng của các khoản vay năm 2024 gồm khoản vay ngày 30 tháng 01 năm 2024, 01 tháng 02 năm 2024, 06 tháng 3 năm 2024, 19 tháng 3 năm 2024, thời gian tính lãi tính từ ngày đến hạn trả nợ ngày 16 tháng 6 năm 2024 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, mức lãi suất là 10%/năm, số tiền lãi tạm tính là: 149.400.000 đồng. Đối với số tiền 503.837.000 đồng của các khoản vay năm 2022 gồm khoản vay ngày 07 tháng 01 năm 2022, 10 tháng 01 năm 2022, 18 tháng 01 năm 2022, 19 tháng 01 năm 2022, 20 tháng 01 năm 2022, 22 tháng 01 năm 2022; nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

- Đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 19 tháng 3 năm 2024, theo đơn khởi kiện nguyên đơn có khởi kiện đối với khoản vay này, tuy nhiên nay nguyên đơn không tranh chấp đối với số tiền này và rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1 do ông Phan Trọng Ê là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà N1 có số tài khoản 6512961986 (số tài khoản cũ: 65110002961986) – Tài khoản ngân hàng B.

Bà N1 thừa nhận có nhận của ông Hu Xiong C nhiều lần tiền với số tiền 3.303.837.000 đồng, cụ thể là vào các ngày 07 tháng 01 năm 2022, 10 tháng 01 năm 2022, 18 tháng 01 năm 2022, 19 tháng 01 năm 2022, 20 tháng 01 năm 2022, 22 tháng 01 năm 2022, ngày 30 tháng 01 năm 2024, 01 tháng 02 năm 2024, 06 tháng 3 năm 2024, 19 tháng 3 năm 2024 (gồm 2.200.000.000 đồng và 350.000.000 đồng).

Giữa bà N1 và ông Hu Xiong C có quan hệ yêu thương nam nữ từ khoảng năm 2020 cho tới nay. Do đó, ông Hu Xiong C nhiều lần chuyển tiền cho bà N1 tiêu xài cá nhân và nhận chuyển nhượng đất. Giữa ông Hu Xiong C và bà N1 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024 khi bà N1 đề cập việc kết hôn với ông Hu Xiong C và bị ông Hu Xiong C từ chối; lý do là ông Hu Xiong C đã có vợ, con tại Trung Quốc.

Các lần chuyển khoản, ông Hu Xiong C không ghi nội dung chuyển khoản nên không thể nào chứng minh được việc ông Hu Xiong C có cho bà N1 vay mượn

tiền. Theo nội dung Vi bằng số 292/2024/VB-TPL ngày 12 tháng 9 năm 2024, 281/2024/VB-TPL ngày 05 tháng 9 năm 2024 đã chứng minh được giữa bà N1 và ông Hu Xiong C đã từng có quan hệ yêu thương nam nữ; do đó số tiền bà N1 nhận của ông Hu Xiong C không phải là tiền vay, đây là tiền ông Hu Xiong C cho bà N1.

Bị đơn bà N1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị Thu O có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày: Bà O có số tài khoản 5060598-0001-Ngân hàng I.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, ông Hu Xiong C nhờ bà O chuyển tiền cho người mà bà N1 đặt cọc để nhận chuyển nhượng đất là ông Lê Duy T với số tiền 50.000.000 đồng. Bà O đã dùng số tài khoản 5060598-0001-Ngân hàng I chuyển khoản vào số tài khoản 19032158460017-Ngân hàng T1, chủ tài khoản Lê Duy T số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, bà O được ông H Xiong Cai nhờ chuyển tiền cho bà N1 số tiền 350.000.000 đồng. Bà O đã dùng số tài khoản 5060598-0001-Ngân hàng I chuyển khoản vào số tài khoản 6512961986 – Tài khoản Ngân hàng B, chủ tài khoản Ngô Thị Hồng N1 số tiền 350.000.000 đồng.

Số tiền 400.000.000 đồng mà ông Hu Xiong C nhờ bà O chuyển khoản cho ông T và bà N1 là tiền ông Hu Xiong C cho bà N1 vay để nhận chuyển nhượng đất và mua nhà tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, do ông Hu Xiong C không đủ tiền trong tài khoản nên đã nhờ bà O chuyển tiền dùm. Ông Hu Xiong C đã trả cho bà O số tiền 400.000.000 đồng. Việc giải quyết vụ án không liên quan đến lợi của bà O nên bà O đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Duy T vắng mặt và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng của khoản vay ngày 19 tháng 3 năm 2024, các yêu cầu khởi kiện còn lại nguyên đơn giữ nguyên. Số tiền vay gốc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 3.303.837.000 đồng. Về tiền lãi nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền 2.800.000.000 đồng của các khoản vay năm 2024, thời gian tính lãi từ ngày 16 tháng 6 năm 2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là 160.356.000 đồng; đối với số tiền vay 503.837.000 đồng của các khoản vay năm 2022 nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Tổng cộng tiền gốc, lãi nguyên đơn

yêu cầu bị đơn trả là 3.464.193.000 đồng;

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 13/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H Xiong Cai đối với bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1 đối với số tiền 200.000.000 đồng ông Hu Xiong C cho rằng đã cho bà Ngô Thị Hồng N1 vay ngày 19 tháng 3 năm 2024.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H Xiong Cai đối với bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1 đối với số tiền 3.303.837.000 đồng.

Buộc bà Ngô Thị Hồng N1 có trách nhiệm trả lại cho ông Hu Xiong C số tiền đã nhận là 3.303.837.000 đồng (ba tỷ ba trăm lẻ ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng) đối với các lần nhận tiền ngày 07 tháng 01 năm 2022, ngày 10 tháng 01 năm 2022, ngày 18 tháng 01 năm 2022, ngày 19 tháng 01 năm 2022, ngày 20 tháng 01 năm 2022, ngày 22 tháng 01 năm 2022, ngày 30 tháng 01 năm 2024, ngày 01 tháng 02 năm 2024, ngày 06 tháng 3 năm 2024 và ngày 19 tháng 3 năm 2024.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H Xiong Cai đối với bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1 đối với số tiền lãi 160.356.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp án chi phí tố tụng, về án phí, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/01/2025 bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung vụ án theo hướng yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông Ê là bà Trần Thị Như M trình bày: Thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 13/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vì bản án có dấu hiệu vi phạm

ng nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Hu Xiong C là người nước ngoài, cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một căn cứ thông tin đăng ký tạm trú của nguyên đơn để thụ lý và xét xử là không đúng quy định của pháp luật vì việc xác định tạm trú trên không do cơ quan công an địa phương nơi nguyên đơn tạm trú mà nguyên đơn tự xác nhận.

Thứ hai, về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.303.837.000 đồng là không có căn cứ, xâm phạm quyền và lợi ích của bị đơn. Bởi lẽ, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh thỏa thuận vay tiền; số tiền 3.303.837.000 đồng bị đơn đã nhận của nguyên đơn qua hình thức chuyển khoản, nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng là tiền mà nguyên đơn tặng cho bị đơn. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào văn bản cam kết đề ngày 01/6/2024 với nội dung *"bà N1 cam kết là khi nào bán được căn nhà tại vị trí thửa đất số 2016, TĐĐ 92 sẽ trả tiền cho ông Hu Xiong C"* để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là không khách quan vì bà N1 khẳng định bà N1 bị ép buộc ký tên vào văn bản nêu trên mà Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ tình tiết này.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/20204/QĐ-BPKCTT ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của bị đơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, vì các lý do sau:

Thứ nhất, ông H Xiong Cai trước, trong và sau quá trình thụ lý vụ án đều làm ăn và cư trú tại Việt Nam, thông tin tạm trú của nguyên đơn đều được công an tại địa phương xác nhận và được thể hiện trên hệ thống xác định thông tin cư trú quốc gia. Do đó, việc Tòa án nhân dân Thủ Dầu Một thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

Thứ hai, bà N1 cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ tình cảm, bị đơn không vay tiền của nguyên đơn mà do nguyên đơn tặng cho bị đơn, tuy nhiên phía bị đơn xác định có nhận số tiền 3.303.837.000 đồng và không có căn cứ chứng minh nguyên đơn tặng cho bị đơn số tiền nêu trên. Đồng thời theo pháp luật Việt Nam, căn cứ Điều 105 của Bộ luật Dân sự thì tiền được xác định là tài sản và việc tặng cho tài sản cần phải lập thành hợp đồng theo quy định tại Điều 457 của Bộ luật Dân sự: *"Hợp đồng tặng cho tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên"*

được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, bên được tặng cho đồng ý nhận." Do đó, không có căn cứ pháp luật chứng minh cho lời khai của bị đơn.

Mặt khác, bị đơn cho rằng bị ép buộc ký văn bản văn bản cam kết đề ngày 01/6/2024 nhưng cũng không đưa ra chứng cứ nào chứng minh dù thời gian xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm dài.

Từ các ý kiến trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa nhận thấy việc bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1 đã nhận của ông H Xiong Cai nhiều lần tiền với tổng số tiền 3.303.837.000 đồng. Ông Hu Xiong C không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà N1 vay tiền, trong khi ông H Xiong Cai chuyển tiền cho bà N1 không ghi nội dung là chuyển tiền cho vay hay tặng cho bà N1. Mặt khác, bà N1 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 3.303.837.000 đồng là tiền ông Hu Xiong C tặng cho bà N1. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án thể hiện bà N1 có ký tên, lăn tay vào cam kết là khi bán được căn nhà tại vị trí thửa đất số 2016, tờ bản đồ số 92 sẽ trả tiền cho ông H Xiong Cai số tiền 1.500.000.000 đồng. Như vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận việc bà N1 phải trả ông Hu Xiong C số tiền 1.500.000.000 đồng. Do đó, việc bà N1 kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 13/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở để chấp nhận một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà N1 phải trả cho ông H Xiong Cai số tiền 1.500.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị Thu O và ông Lê Duy T là không ảnh hưởng đến việc giải quyết đơn kháng cáo của bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Hu Xiong C là người nước ngoài có đăng ký tạm trú tại số C, tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; bị đơn bà N1 hiện đang cư trú tại số A, đường Đ, tổ B, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2.2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Hu Xiong C và bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1 đều khai thống nhất thời gian từ năm 2022 đến năm 2024, bà Ngô Thị Hồng N1 đã nhận của ông H Xiong Cai nhiều lần tiền với tổng số tiền 3.303.837.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 6513251006 - Tài khoản Ngân hàng B, chủ tài khoản ông Hu Xiong C (số tài khoản cũ: 65110003251006) đến số tài khoản 6512961986 – Tài khoản Ngân hàng B, chủ tài khoản bà Ngô Thị Hồng N1 (số tài khoản cũ: 65110002961986). Cụ thể như sau:

- Vào các ngày 07, 10, 18, 19, 20, 22, 30/01/2022 và ngày 01/02/2022, ông Hu Xiong C chuyển khoản cho bà N1 mỗi lần 100.000.000 đồng.

- Ngày 06 tháng 3 năm 2024 bà N1 cần đặt cọc để nhận chuyển nhượng đất, mua nhà thuộc thửa đất số 2016, tờ bản đồ 92 của ông Lê Duy T; đất tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tại số A, đường Đ, tổ B, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên ông Hu Xiong C đã nhờ bạn là bà Âu Thị Thu O chuyển tiền vào tài khoản của ông Lê Duy T với số tiền 50.000.000 đồng. Số tài khoản của bà Âu Thị Thu O là 5060598-0001-Ngân hàng I, số tài khoản của ông Lê Duy T là 19032158460017-Ngân hàng T1.

- Ngày 19 tháng 3 năm 2024, ông Hu Xiong C nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của bà N1 số tiền 2.200.000.000 đồng và nhờ bà O chuyển khoản cho bà N1 số tiền 350.000.000 đồng để bà N1 trả tiền nhận chuyển nhượng đất.

Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Nguyên đơn ông Hu Xiong C cho rằng số tiền 3.303.837.000 đồng là tiền ông Hu Xiong C cho bà N1 vay nên ông Hu Xiong C khởi kiện yêu cầu bà N1 trả tiền gốc và tiền lãi. Ngược lại bà N1 cho rằng đây là tiền ông Hu Xiong C tặng cho bà N1 nên bà N1 không đồng ý trả lại số tiền 3.303.837.000 đồng cùng tiền lãi cho nguyên đơn.

[2.4] Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc cho bà N1 vay tiền, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 3.303.837.000 đồng là tiền ông Hu Xiong C tặng cho bà N1. Trong khi ông Hu Xiong C chuyển tiền cho bà N1 không ghi nội dung là chuyển tiền cho vay hay là tặng cho. Tuy nhiên, thực tế bà N1 có nhận tiền từ ông Hu Xiong C, không có chứng cứ thể hiện ông Hu Xiong C1 tặng cho số tiền này cho bà N1, ngoài ra, bà N1 còn có ký tên, lăn tay vào giấy cam kết ngày 01 tháng 6 năm 2024 với nội dung bà N1 cam kết khi nào bán được căn nhà tại vị trí thửa đất số 2016, tờ

bản đồ 92 sẽ trả tiền cho ông Hu Xiong C. Bà N1 cho rằng việc ký cam kết là bị ép buộc nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

[2.5] Đối với giấy cam kết ngày 01/2024 của bà Ngô Thị Hồng N1 thì chỉ có nội dung bà N1 cam kết khi nào bán được nhà tại vị trí thửa đất số 2016, tờ bản đồ số 92, phường P, thành phố T sẽ trả cho H1 số tiền 1.500.000đồng, không có nội dung thể hiện bà N1 chỉ có nợ ông C số tiền 1.500.000đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào số tiền thực tế bà N1 đã nhận để buộc bà N1 trả lại số tiền này là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền, vi phạm thủ tục tố tụng đề nghị huỷ án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Đối với việc yêu cầu hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/20204/QĐ-BPKCTT ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đối với tài sản là đất và nhà thuộc thửa đất số 2016, tờ bản đồ 92 tại địa chỉ tại số A, đường Đ, tổ B, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bà N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để đảm bảo cho việc thi hành án theo đúng quy định của pháp luật. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo điểm g khoản 1 và khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà N1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà N1 là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà N1 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 144; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 13/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Ngô Thị Hồng N1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0009106 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Huỳnh